

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2024 - 2025
ĐỘ TUỔI 24 - 36 THÁNG TUỔI

I. MỤC TIÊU, NỘI DUNG

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
TT	Mục tiêu		
1. Lĩnh vực phát triển thể chất			
1	Trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường cần đạt cuối độ tuổi	<p>* Trẻ 24 tháng tuổi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cân nặng của trẻ + Trẻ trai: 9,7 – 15,3 kg + Trẻ gái: 9,1 – 14,8Kg. -Chiều cao của trẻ + Trẻ trai: 81,7 – 93,9 cm + Trẻ gái: 80,0 – 92,9 cm. <p>* Trẻ 36 tháng tuổi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cân nặng của trẻ + Trẻ trai: 11,3 – 18,3 kg + Trẻ gái: 10,8 – 18,1Kg. -Chiều cao của trẻ + Trẻ trai: 88,7 – 103,5 cm + Trẻ gái: 87,4 – 102,7 cm. 	9
2	Trẻ biết thực hiện được các động tác trong bài thể dục: hít thở, tay, lưng/bụng và chân	<ul style="list-style-type: none"> - Hô hấp: Hít vào, thở ra - Tay: Cơ tay và bả vai + Hai tay giơ lên cao, hạ xuống. + Hai tay đưa sang ngang, hạ xuống. + Hai tay đưa về phía trước – đưa về phía sau kết hợp với lắc bàn tay. + Một tay đưa về phía trước, 1 tay đưa về phía sau. - Lưng, bụng, lườn: + Nghiêng người sang 2 bên phải, trái. + Vặn người sang 2 bên phải, trái. + Cúi người xuống, đứng thẳng người lên. + Ngửa người ra phía sau. - Chân: + Ngồi xuống, đứng lên. + Co duỗi từng chân. + Đứng nhún chân. + Bật tại chỗ. 	1-> 9
3	Trẻ giữ được thăng bằng trong vận động đi/chạy thay đổi tốc độ nhanh - chậm theo cô hoặc đi trong đường hẹp có bê vật trên	<ul style="list-style-type: none"> - Đi theo hiệu lệnh - Đi trong đường hẹp - Đi có mang vật trên tay - Chạy theo hướng thẳng - Đứng co 1 chân 	3 2 1 9 7

	tay.	<ul style="list-style-type: none"> - Đi bước qua gậy kê cao - Đi theo đường ngoằn ngoèo - Đi kết hợp với chạy - Đi bước vào các ô - Bước lên xuống bậc có vịn - Chạy đổi hướng - Bước lên xuống bậc cao 15cm - Bước lên xuống bậc (5-7 bậc) - Bước qua vật cản - Bật tại chỗ 	<p>5</p> <p>8</p> <p>6</p> <p>4</p> <p>5</p> <p>7</p> <p>9</p> <p>6</p> <p>3</p> <p>1</p>
4	Trẻ biết thực hiện phối hợp vận động tay – mắt tung - bắt bóng với cô ở khoảng cách 1m; ném vào đích xa 1->1,2m.	<ul style="list-style-type: none"> - Tung bóng bằng hai tay - Tung bóng qua dây - Tung – bắt bóng cùng cô - Ném bóng về phía trước - Ném bóng vào đích - Ném vào đích xa 1 – 1,2m 	<p>6</p> <p>5</p> <p>2</p> <p>1</p> <p>8</p> <p>9</p>
5	Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò để giữ được vật đặt trên lưng.	<ul style="list-style-type: none"> - Bò thẳng hướng theo đường hẹp - Bò thẳng hướng có mang vật trên lưng - Bò qua vật cản - Trườn chui qua cổng - Trườn qua vật cản - Bò theo đường ngoằn ngoèo - Bò theo đường đích dắc - Bò chui qua cổng 	<p>1</p> <p>7</p> <p>3</p> <p>5</p> <p>8</p> <p>6</p> <p>4</p> <p>2</p>
6	Trẻ biết thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, <i>nhún bật</i> đá bóng: Ném xa lên phía trước bằng 1 tay (tối thiểu 1,5m).	<ul style="list-style-type: none"> - Bật qua vạch kẻ - Bật xa bằng 2 chân - Bật qua các vòng - Nhún bật về phía trước - Ném xa lên phía trước bằng 1 tay (tối thiểu 1,5m) 	<p>3</p> <p>4</p> <p>5</p> <p>2</p> <p>4</p>
7	Trẻ biết vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay - thực hiện “múa khéo”.	<ul style="list-style-type: none"> - Xoa tay, chạm các đầu ngón tay vào nhau, rót, nhào, khuấy, đào, vò xé. 	<p>1-> 9</p>
8	Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay - mắt trong các hoạt động: nhào đất nặn; vẽ tổ chim; xâu vòng tay, chuỗi đeo cổ.	<ul style="list-style-type: none"> - Đóng cọc bàn gỗ. - Nhón nhặt đồ vật. - Tập xâu, luồn dây, cài, cởi cúc, buộc dây. - Chắp ghép hình. - Chồng, xếp 6-8 khối. - Tập cầm bút tô, vẽ. - Lật mở trang sách. 	<p>1-> 9</p>
9	Trẻ thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau	<ul style="list-style-type: none"> - Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau. - Tập luyện nền nếp thói quen tốt trong ăn uống. - Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, uống, vệ sinh. 	<p>1,2,3</p>

10	Trẻ ngủ một giấc buổi trưa	- Luyện thói quen ngủ 1 giấc trưa.	1,2,3
11	Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi quy định	- Tập đi vệ sinh đúng nơi quy định.	1,2,3
12	Trẻ làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (lấy nước uống, đi vệ sinh...)	- Luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt: ăn chín, uống chín; rửa tay trước khi ăn; lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn; vứt rác đúng nơi quy định. - Tập luyện nề nếp thói quen tốt trong ăn uống; - Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh. - Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt. - Tập tự phục vụ: + Xúc cơm, uống nước. + Mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo khi bị bẩn, bị ướt. + Chuẩn bị chỗ ngủ.	2-> 9
13	Trẻ chấp nhận: Đội mũ khi ra nắng; Đi giày dép; Mặc quần áo ấm khi trời lạnh.	- Tập tự phục vụ: + Đội mũ khi ra nắng, mặc quần áo ấm khi trời lạnh. + Mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo khi bị bẩn, bị ướt.	2,5,8
14	Trẻ biết tránh một số vật dụng, nơi nguy hiểm (bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm (<i>Bếp ga, bếp điện, ấm điện, phích nước nóng, ...</i>), những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần. (<i>Bếp đang đun, xô nước, giếng, ao hồ, sông suối, cây to, cột điện...</i>)	1,3,6,7
15	Trẻ biết và phòng tránh 1 số hành động nguy hiểm (leo trèo lên lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn...) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh (<i>chơi nghịch các vật sắc nhọn, trèo cây, chơi ở lòng đường xe chạy, đùa nghịch trên xe...</i>) - Nhận biết phương tiện báo động cháy	1,3,8,9

2. Lĩnh vực phát triển nhận thức

a. Khám phá thế giới xung quanh bằng các giác quan.

16	Trẻ biết sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, nếm để nhận biết đặc điểm của đối tượng.	- Tìm đồ vật vừa mới cất giấu. - Nghe và nhận biết âm thanh của 1 số đồ vật, tiếng kêu của 1 số con vật quen thuộc. - Sờ nắn, ngửi... đồ vật, hoa, quả để nhận biết đặc điểm nổi bật. - Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết để nhận biết cứng - mềm, trơn, (nhẵn)- xù	1,2,3,4,5,6,7,8
----	---	--	-----------------

		<p>xì.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêm vị của 1 số thức ăn, quả (ngọt - mặn - chua) - Một số hiện tượng tự nhiên: Mưa đá, sạt lở đất, lũ lụt... - Ảnh hưởng của thiên tai đối với cây cối, hoa quả... - Ảnh hưởng của thiên tai đối với con vật về môi trường sống, thức ăn 	
b. Thể hiện sự hiểu biết về các sự vật, hiện tượng gần gũi.			
17	Trẻ chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi. Sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.	<ul style="list-style-type: none"> - Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. - Đồ dùng, đồ chơi của bản thân và nhóm/ lớp phù hợp với địa phương. 	1,2,3,9
18	Trẻ nói được tên bản thân và những người gần gũi khi được hỏi. <i>(Trẻ có thể nói được một vài thông tin về mình (tên, tuổi, giới tính))</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Tên và 1 số đặc điểm bên ngoài của bản thân. - Tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình. - Tên cô giáo và các bạn, nhóm, lớp. 	1,2,3
19	Trẻ nói được tên và chức năng một số bộ phận cơ thể khi được hỏi.	<ul style="list-style-type: none"> - Tên, chức năng chính một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân. 	2
20	Trẻ nói được tên và 1 số đặc điểm nổi bật của các đồ vật, hoa quả, con vật quen thuộc.	<ul style="list-style-type: none"> - Tên và 1 số đặc điểm nổi bật của con vật, rau, hoa, quả quen thuộc. - Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng của PTGT gần gũi phù hợp với địa phương. 	1,4,5,6,7,8
21	Trẻ chỉ/ nói tên hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ/ xanh/ vàng theo yêu cầu.	<ul style="list-style-type: none"> - Màu đỏ, màu xanh, vàng. - Số lượng (Một - nhiều). 	2-> 8
22	Trẻ chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước to/ nhỏ theo yêu cầu.	<ul style="list-style-type: none"> - Kích thước (to, nhỏ). 	3
23	<i>Trẻ biết được một số khái niệm sơ đẳng về toán: Kích thước, hình dạng, số lượng, vị trí trong không gian.</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Hình tròn, vuông. - Vị trí trong không gian (Trên, dưới, trước, sau) so với bản thân trẻ. 	5,6,7
3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ			
a. Nghe hiểu lời nói.			
24	Trẻ thực hiện được nhiệm vụ gồm 2-3 hành động ví dụ: “Cháu cất đồ chơi lên	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói. - Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác 	8, 9

	giả rồi đi rửa tay!”.	nhau. - Nghe các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc.	
25	Trẻ trả lời các câu hỏi: “Ai đây?”; “Cái gì đây?”; “... làm gì?”; “... thế nào?” (Ví dụ: “Con gà gáy thế nào?”...).	- Nghe các câu hỏi: “Cái gì?”; “Làm gì?”; “Để làm gì?”; “Ở đâu?”; “Như thế nào?”. - Trả lời và đặt câu hỏi: “Cái gì?”; “Làm gì?”; “Ở đâu?”; “...thế nào?”; “Để làm gì?”; “Tại sao?”...	1-> 9
26	Trẻ hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: Trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật.	- Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh. - Lắng nghe khi người lớn đọc sách. - Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có gợi ý. - Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau.	2-> 9

b. Nghe, nhắc lại các âm, các tiếng và các câu.

27	- Trẻ phát âm rõ tiếng -Trẻ đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao dưới sự giúp đỡ của cô giáo.	- Phát âm các âm khác nhau - Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn 3-4 tiếng. - Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố, bài hát và truyện ngắn.	1-> 9
----	--	---	-------

c. Sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp.

28	Trẻ nói được câu đơn, câu có 5 - 7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc.	- Thể hiện nhu cầu mong muốn và hiểu biết bằng 1-2 câu đơn giản và câu dài.	4,9
29	Trẻ biết sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau: + Chào hỏi, trò chuyện + Bày tỏ nhu cầu của bản thân. + Hỏi về các vấn đề quan tâm như: “Con gì đây?”; “Cái gì đây?”	- Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm hành động quen thuộc trong giao tiếp. - Trả lời và đặt câu hỏi “Cái gì?”; “Làm gì?”; “Ở đâu?”; “...thế nào?”; “Để làm gì?”; “Tại sao?”...	2-> 9
30	Trẻ nói to, đủ nghe, lễ phép.	- Sử dụng các từ thể hiện lễ phép khi nói chuyện với người lớn.	3,5

4. Lĩnh vực phát triển TC&KNXH và thẩm TM

a. Biểu lộ sự nhận thức về bản thân.

31	Trẻ có thể nói được một vài thông tin về mình (tên, tuổi, giới tính).	- Nhận biết tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài bản thân.	2
32	Trẻ biết thể hiện những điều mình thích và không thích.	- Nhận biết được 1 số đồ dùng đồ chơi yêu thích của mình	2

b. Nhận biết và biểu lộ cảm xúc với con người và sự vật gần gũi.			
33	Trẻ biết biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói.	- Giao tiếp với những người xung quanh.	2,3,9
34	Trẻ nhận biết được trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi. Trẻ biểu lộ cảm xúc: Vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ.	- Nhận biết và thể hiện 1 số trạng thái cảm xúc: Vui, buồn, sợ hãi, tức giận - Thể hiện được một số cảm xúc. - Vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ.	2,3,6
35	Trẻ biểu lộ sự thân thiện với 1 số con vật quen thuộc/ gần gũi: Bắt chước tiếng kêu, gọi.	- Quan tâm đến các con vật nuôi	4
c. Thực hiện hành vi xã hội đơn giản.			
36	Trẻ biết chào, tạm biệt, cảm ơn ạ, vâng ạ.	- Thực hiện 1 số hành vi văn hóa trong giao tiếp chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ dạ, vâng ạ, chơi cạnh bạn không cầu bạn.	2,3
37	Trẻ biết thể hiện 1 số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi bế em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...).	- Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi	2->9
38	Trẻ biết chơi thân thiện cạnh trẻ khác.	- Chơi thân thiện với bạn: Chơi cạnh bạn không tranh giành đồ dùng, đồ chơi của bạn	1->9
39	Trẻ biết thực hiện 1 số yêu cầu của người lớn.	- Thực hiện 1 số yêu cầu đơn giản của giáo viên. - Thực hiện 1 số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp: Xếp hàng chờ đến lượt, để đồ dùng vào nơi quy định.	5,6,7,8, 9
40	Biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát/bản nhạc quen thuộc. - Trẻ biết chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy lắc lư theo bài hát-bản nhạc và nghe các dụng cụ âm nhạc.	- Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc. - Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau, nghe âm thanh của các nhạc cụ.	1-> 9
41	Trẻ thích tô màu, vẽ, nặn, xé, xếp hình, xem tranh (cầm bút di màu, vẽ nguệch ngoạc).	- Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, nặn, xé, vò, xếp hình. - Xem tranh.	1-> 9

II. DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ

Thời gian	ST T	Chủ đề	Chủ đề nhánh	Số tuần	Lễ/hội	ĐC BS
Từ ngày 09/9 đến 04/10/2024	1	Trường mầm non- Tết trung thu	- Lớp học của bé	1	Ngày hội đến trường của bé 05/9	
			- Tết trung thu	1		
			- Các bạn của bé	1		
			- Bé biết nhiều thứ	1		
Từ ngày 07/10 đến 01/11/2024	2	Bé giới thiệu về mình	- Bé là ai	1		
			- Cơ thể kỳ diệu bé	1		
			- Đồ dùng đồ chơi cá nhân của bé	1		
			- Bé cần gì để lớn lên và khỏe mạnh	1		
Từ ngày 04/11 đến 29/11/2024	3	Gia đình thân yêu của bé - Ngày Nhà giáo việt Nam 20/11	- Gia đình của bé	1	- Ngày NGVN 20/11	
			- Ngày hội của cô giáo	1		
			- Gia đình của bé	1		
			- Đồ dùng gia đình của bé	1		
Từ ngày 02/12 đến 27/12/2024	4	Những con vật đáng yêu	- Con vật nuôi trong gia đình (Con 2 chân)	1		
			- Con vật nuôi trong gia đình (Con 4 chân)	1		
			- Những con vật sống trong rừng	1		
			- Những con vật sống dưới nước	1		
Từ ngày 30/12 đến 14/12/2024	5	Ngày tết vui vẻ	- Mùa xuân đến rồi	1	- Tết nguyên đán (1/1 âm lịch)	
			- Hoa quả ngày tết	1		
			- Ngày tết vui vẻ	2		
			<i>Ôn tập. Kết thúc học kỳ I</i>			
			- Bé thêm một tuổi	1		
Từ ngày 17/2- 14/3/ 2025	6	Cây và những bông hoa đẹp	- Bé thích rau gì	1	- Ngày QTPN 8/3	
			- Một số loại hoa	1		
			- Ngày hội 8/3	1		
			- Một số loại quả	1		
Từ ngày 17/3 đến 11/4/2025	7	Bé đi khắp nơi bằng phương tiện gì	- Một số phương tiện giao thông đường bộ	2		
			- Một số phương tiện giao thông đường thủy	1		
			- Máy bay- tàu hỏa	1		
Từ ngày 14/4 đến 2/5/ 2025	8	Mùa hè đến rồi	- Thời tiết mùa hè	1		
			- Trang phục mùa hè	1		
			- Bé làm được gì trong mùa	1		

			hè		
Từ ngày 5/5 đến 23/5/ 2025	9	Bé lên mẫu giáo - Bác Hồ	- Bé lên mẫu giáo	2	- Sinh nhật Bác 19/5 - Tổng kết năm học
			- Bác Hồ	1	
Tổng số				35 tuần	

Ngày 31 tháng 8 năm 2024
BAN GIÁM HIỆU KÝ DUY
(Ký tên và đóng dấu)

Trần Thị Vui